

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày: 09/3/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Hoàng Văn Tấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/HSST ngày 07/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 16/2020/QĐXXST – HS ngày 25/02/2020 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Thân Văn T, sinh năm 1987**

HKTT: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Giới tính: Nam. Đảng, Đoàn thể, chính quyền: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông: Thân Văn T1, sinh năm 1962; con bà: Lương Thị Y, sinh năm 1964; có vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; Anh em ruột: Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: không

Tiền sự: Năm 2013 bị UBND huyện Y ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 1778/QĐ- UBND ngày 17/5/2013. Ngày 26/02/2015 T trốn khỏi trại, ngày 27/02/2015 Giám đốc trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Giang có Quyết định truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đến nay vẫn chưa chấp hành xong.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Tạ Văn L, sinh năm 1988**

HKTT: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam. Đoàn thể: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông: Tạ Văn H, sinh năm 1957; con bà: Hoàng Thị N, sinh năm 1959; có vợ là: Hà Thị H, sinh năm 1990; Con: Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; Anh em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 2010 bị UBND huyện Y ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 4391/QĐ- UBND ngày 15/9/2010, đến nay đã chấp hành xong;

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

**- Người bị hại :**

1. Họ và tên: Anh Dì A M – sinh ngày 06/4/2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản S, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu

Người đại diện: Ông Dì A N – sinh năm 1978 (bố đẻ Dì A M) ( vắng mặt)

Địa chỉ: Bản S, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu

2. Họ và tên: Anh Ma A S – sinh ngày 17/4/2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản D, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu

Người đại diện: Ông Ma A C - sinh năm 1983 (bố đẻ Ma A Sô) (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản D, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thân Văn T, sinh năm 1987, trú tại thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Tạ Văn L, sinh năm 1988 trú tại thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ bạn bè thường đi chơi qua lại với nhau.

Khoảng 07 giờ sáng ngày 21/10/2019, T gọi điện rủ L đi chơi thì L bảo T đến nhà đưa Linh đi uống thuốc Methadone (thuốc cai nghiện ma túy) rồi cùng nhau đi chơi nên T điều khiển xe mô tô Sirius màu đen đỏ bạc biển kiểm soát 98Y4- 7450 của mình đi đón L. Khi đi T đem theo 01 con dao chuôi màu vàng sẫm, lưỡi màu sáng bạc có một lưỡi sắc, mũi dao nhọn dài khoảng 20 cm và 01 chiếc gậy rút màu đen. Sau đó, T đưa L đến uống thuốc Methadone tại một cơ sở tại thị trấn N, huyện Y. Sau khi L uống thuốc xong, T điều khiển xe mô tô chở L đi chơi và nảy sinh ý định đi cướp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Lúc này, T nói với L “đi kiếm

tiền đi”, L hiểu ý T là rủ đi kiếm tiền theo cách bất hợp pháp nên đồng ý và nhận chiếc gậy rút màu đen do T đưa cất vào túi quần của mình. Khoảng 08 giờ ngày 21/10/2019, T chở L đến khu vực nghĩa trang thôn B, xã T, huyện V thì thấy anh Dì A M, sinh ngày 06/4/2002, trú tại Bản S, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu và anh Ma A S, sinh ngày 17/4/2003, trú tại Bản D, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu đang đứng ở bãi rác thuộc thôn B, xã T, huyện V nên T đã nảy sinh ý định cướp tài sản của anh M và anh S nên điều khiển xe quay lại đỗ xe trước cổng khu nghĩa trang đối diện vị trí anh M và anh S đang đứng. Tại đây, T quát to “Hai thằng kia sang tao bảo”. Do bị quát, anh M sợ hãi đi sang chỗ T và L đang đứng thì T tiếp tục gọi “Thằng kia sang nốt đây”, anh S sợ hãi nên đi sang chỗ T và L. T bảo anh M và anh S đi vào trong nghĩa trang. Khi vào trong nghĩa trang, T và L tách anh M và anh S ra, T đứng với M ở bên trái nghĩa trang, L đứng với anh S ở bên phải nghĩa trang (tính từ bên ngoài đường bê tông nhìn vào nghĩa trang); T rút con dao mang theo từ trước ra dí vào phần bụng của anh M yêu cầu tự lấy hết tài sản ra nếu không sẽ bị đâm. Anh M sợ hãi lấy chiếc điện thoại Iphone 6s màu vàng hồng, loại 64GB và chiếc ví bên trong ví có 225.000 đồng đưa cho T. T cầm điện thoại lên xem rồi trả lại điện thoại cho anh M và nói “điện thoại không lấy” và bắt anh M móc tất cả số tiền có trong ví ra, anh M nói với T “anh cho em xin lại hai trăm nghìn”, T bảo: “Ừ, mày cứ bỏ ra đi”, rồi T lấy một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng từ tay anh M. Cùng lúc này L thấy trong túi quần của anh S có chiếc điện thoại nên đã bắt anh S bỏ điện thoại ra, anh S nói: “thôi, anh cho em xin”, L thấy anh S không muốn đưa điện thoại cho mình nên đã nhặt 01 (một) chiếc bơm kim tiêm, kích thước (12x1,5)cm dung tích 3ml/cc đã qua sử dụng, vẫn còn kim được đóng nắp ở trên ngòi mồi ở phía sau anh S quệt mạnh một cái vào cổ anh S gây ra hai vết xước ngoài da trên phần cổ của anh S để đe dọa nếu không đưa tài sản thì sẽ bị đâm kim tiêm vào người, anh S sợ nên đã lấy chiếc điện thoại Oppo A3S 16GB màu đỏ có ốp lưng điện thoại màu đen trắng có hình que kem đưa cho L. L cầm chiếc điện thoại này đút vào túi quần rồi L ném chiếc kim tiêm đi. Sau khi cướp được tài sản thì T quát “chúng mày ở im trong đây” rồi T và L đi ra ngoài, L điều khiển xe của T, T ngồi đằng sau thấy anh S và anh M chạy ra ngoài nên T quát to “Hai thằng mày đi vào không, tao đâm chết bây giờ”, rồi T bảo L: “đi đi, chúng nó ra nhìn biển số xe đây”. L điều khiển xe trở T đi được một đoạn thì T bảo L xuống xe để T điều khiển vì L không quen đường. Trên đường đi, L đưa chiếc điện thoại cướp được của anh S cho T xem sau đó T đưa lại điện thoại cho L, L tháo chiếc ốp điện thoại rồi vứt ở dọc đường. T điều khiển xe chở L đến khu vực đầu làng A thuộc thôn Q, xã T, huyện Y thì T bảo L xuống xe đứng đợi để T đi bán điện thoại và đòi lại chiếc gậy rút T đưa cho L lúc đầu. T cầm chiếc điện thoại đi bán cho một quán điện thoại ở thành phố B (T không nhớ tên hay vị trí cụ thể) được 1.200.000 đồng, sau đó T quay lại chỗ L, rồi chia cho L số tiền 700.000 đồng. Số tiền từ việc cướp tài sản mà có T và L đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 21/10/2019, anh Dì A M và anh Ma A S đã đến Công an huyện V để trình báo về việc bị cướp tài sản.

Sau khi nhận đơn trình báo, ngày 21/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án thu giữ được: 01 chiếc xi lanh, kích thước (12 x 1,5) cm, dung tích 3ml/cc, đã qua sử dụng

Ngày 29/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V ra lệnh khám xét khẩn cấp số 84, thu giữ tại nơi ở của Tạ Văn L tại thôn B, xã Y, huyện Y: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 khẩu trang sọc trắng đen xanh vàng, bên ngoài có chữ Duyngoo.

Ngày 29/10/2019, Tạ Văn L đến Công an huyện V đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Giao nộp: 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải bò màu xám; 01 đôi giày bằng da màu đen; 01 điện thoại di động màu trắng, vàng, có chữ VERTU ở phía sau.

Ngày 29/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V ra lệnh khám xét khẩn cấp số 75, thu giữ tại nơi ở của Thân Văn T tại thôn Q, xã T, huyện Y: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y4-7540, màu sơn: màu đỏ đen bạc, số khung: RLC55C640AY275396, số máy 5C64- 275396; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu đỏ, có chữ ở mặt trước là HJC. Đối với con dao T khai vớt trên đường đi nhưng không nhớ vị trí vớt; chiếc gậy rút đã làm mất sau khi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 04/11/2019, Thân Văn T đến Công an huyện V đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Trong các ngày 25/10/2019, 31/10/2019 và 12/12/2019, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Dì A M và anh Ma A S, bị can Tạ Văn L nhận dạng người, đồ vật liên quan đến vụ án, kết quả xác định:

- Anh Ma A S và anh Dì A M nhận ra bị can Thân Văn T là người đã dùng dao đe dọa cướp tài sản của anh Ma A S và anh Dì A M ;
- Bị can Tạ Văn L nhận ra bị can Thân Văn T là người cùng đi cướp tài sản với L;

Ngày 04/12/2019, Cơ quan điều tra tiến hành cho bị can Thân Văn T vẽ mô tả lại đặc điểm hình dạng con dao mà T dùng để đi cướp tài sản.

Ngày 22/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V tiến hành định giá và kết luận: Điện thoại di động Oppo A3S 16GB trị giá 1.400.000 đồng, ốp lưng điện thoại Oppo A3s trị giá 20.000 đồng.

Vật chứng của vụ án, gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y4-7540, màu sơn đỏ đen bạc, số khung: RLC55C640AY275396, số máy 5C64- 275396; 01 xi lanh y tế, kích thước (12x1,5)cm; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu đỏ, có chữ ở mặt trước là HJC; 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải bò màu xám; 01 đôi giày bằng da màu đen; 01 điện thoại di động màu trắng, vàng, có chữ VERTU ở phía sau; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 khẩu trang sọc trắng đen xanh vàng, bên ngoài có chữ Duyngoo, Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng để giải quyết theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: anh Dì A M yêu cầu các bị cáo bồi thường 200.000 đồng. Anh Ma A S yêu cầu các bị can bồi thường trị giá chiếc điện thoại bị cướp là 3.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 04/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố các bị cáo Thân Văn T và Tạ Văn L về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V sau khi phân tích tính chất vụ án, giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố của bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Thân Văn T và Tạ Văn L phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thân Văn T từ 08 năm đến 08 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam 04/11/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn L từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam 29/10/2019.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Thân Văn T và bị cáo Tạ Văn L phải liên đới bồi thường cho anh Dì A M do ông Dì A N đại diện số tiền 200.000 đồng và anh Ma A S do ông Ma A C đại diện số tiền 3.000.000 đồng, cụ thể: Bị cáo Thân Văn T bồi thường anh Dì A M do ông Dì A N đại diện số tiền 100.000 đồng, bồi thường anh Ma A S do ông Ma A C đại diện số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo Tạ Văn L bồi thường anh Dì A M do ông Dì A N đại diện số tiền 100.000 đồng, bồi thường anh Ma A S do ông Ma A C đại diện số tiền 1.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y4-7504, màu sơn: đỏ đen bạc, số khung: RLC55C640AY275396, số máy: 5C64-275396

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu đỏ, có chữ ở mặt trước là HJC, 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải bò màu xám; 01 đôi giày da màu đen; 01 chiếc xi lanh kim tiêm, kích thước (12 x 1,5) cm, dung tích 3ml/cc, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 khẩu trang sọc trắng, đen, xanh, vàng, bên ngoài có chữ Duyngoo.

+ Trả lại bị cáo Tạ Văn L 01 điện thoại di động màu trắng, vàng có chữ Vertu ở phía sau, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, qua công bố lời khai của bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Thân Văn T và Tạ Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 21/10/2019, tại khu vực nghĩa trang thuộc địa phận thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Thân Văn T, sinh năm 1987, trú tại thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Tạ Văn L, sinh năm 1988 trú tại thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho anh Dì A M và anh Ma A S lâm vào tình trạng không thể chống cự được để cướp tài sản là số tiền 200.000 đồng của anh Dì A M, sinh năm 2002, trú tại Bản S, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu và chiếc điện thoại Oppo A3S trị giá 1.400.000 đồng cùng ốp điện thoại trị giá 20.000 đồng của anh Ma A S, sinh năm 2003, trú tại Bản D, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu.

[3] Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án thấy: Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nên đây là vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng ở mức độ giản đơn, các bị cáo tuy có sự thống nhất với nhau từ trước khi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc phân công cụ thể, cấu kết chặt chẽ với nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ, gây dư luận xấu trong nhân dân, do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo thấy: Tại phiên toà bị cáo T và L đều khai không ai rủ ai, không ai bàn bạc với ai, cả hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên quá trình điều tra xác định được bị cáo Thân Văn T giữ vai trò cao hơn bị cáo Tạ Văn L, bởi lẽ bị cáo Thân Văn T là người khởi xướng và chuẩn bị công cụ, phương tiện để gây án, đồng thời là người trực tiếp lấy tiền và điện thoại của bị hại sau đó mang bán tài sản cướp được để lấy tiền cùng nhau ăn tiêu, do vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo L. Đối với bị cáo Tạ Văn L sau khi được Thân Văn T rủ đi cướp tài sản, bị cáo không can ngăn bị cáo T mà còn tích cực cùng bị cáo T thực hiện hành vi cướp tài sản, chính vì vậy bị cáo L cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra.

[6] Xét về nhân thân, tiền sự của các bị cáo thấy: bị cáo Thân Văn T và bị cáo Tạ Văn L đều có nhân thân xấu. Về tiền sự: bị cáo T năm 2013 bị UBND huyện Y ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 1778/QĐ- UBND ngày 17/5/2013, ngày 26/02/2015 bị cáo T trốn khỏi trại, đến nay vẫn chưa chấp hành xong; Về nhân thân: bị cáo Tạ Văn L năm 2010 bị UBND huyện Yên D ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 4391/QĐ-UBND ngày 15/9/2010, bị cáo đã chấp hành xong.

[7] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo T và L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho các bị cáo.

[8] Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay các bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, tuy nhiên các bị cáo hiện không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Dì A M yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 200.000 đồng, anh Ma A S yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị cướp là 3.000.000 đồng. Tại phiên toà bị cáo T và bị cáo L đều tự nguyện bồi thường cho anh Dì A M 200.000 đồng và anh Ma A S giá trị chiếc điện thoại di động Oppo A3S là 3.000.000 đồng, xét thấy việc bồi thường của các bị cáo là tự nguyện cần được chấp nhận và buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Dì A M và anh Ma A S là phù hợp quy định của pháp luật.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y4-7540, màu sơn: màu đỏ đen bạc, số khung: RLC55C640AY275396, số máy 5C64- 275396. Quá trình điều tra xác định ngày 21/10/2019 bị cáo T đã dùng chiếc xe này để đi cướp tài sản. Chiếc xe này qua tra cứu chủ sở hữu là bị cáo T, do vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu đỏ, có chữ ở mặt trước là HJC, 01 chiếc mũ lưỡi trai

bằng vải bò màu xám; 01 đôi giày da màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 khẩu trang sọc trắng, đen, xanh, vàng, bên ngoài có chữ Duyngoo; 01 chiếc xi lanh kim tiêm, kích thước (12 x 1,5) cm, dung tích 3ml/cc, đã qua sử dụng là đồ dùng các bị cáo sử dụng khi đi cướp tài sản không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động màu trắng, vàng có chữ Vertu ở phía sau của Tạ Văn L, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[11] Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST, án phí DSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Thân Văn T và Tạ Văn L phạm tội “ Cướp tài sản”

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Thân Văn T 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam 04/11/2019.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Tạ Văn L 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/10/2019.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y4-7504, màu sơn: đỏ đen bạc, số khung: RLC55C640AY275396, số máy: 5C64-275396.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu đỏ, có chữ ở mặt trước là HJC, 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải bò màu xám; 01 đôi giày da màu đen; 01 chiếc xi lanh kim tiêm, kích thước (12 x 1,5) cm, dung tích 3ml/cc, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 khẩu trang sọc trắng, đen, xanh, vàng, bên ngoài có chữ Duyngoo.

+ Trả lại bị cáo Tạ Văn L 01 điện thoại di động màu trắng, vàng có chữ Vertu ở phía sau, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 BLDS:

Buộc bị cáo Thân Văn T và Tạ Văn L phải liên đới bồi thường cho anh Dì A M do ông Dì A N đại diện số tiền 200.000 đồng, bồi thường anh Ma A S do ông Ma A C đại diện số tiền 3.000.000 đồng. Cụ thể: Thân Văn T phải bồi thường cho anh Dì A M do ông Dì A N đại diện số tiền 100.000 đồng, bồi thường anh Ma A S do ông Ma A C đại diện số tiền 1.500.000 đồng. Tạ Văn L phải bồi thường cho anh Dì A M do ông Dì A N đại diện số tiền 100.000 đồng, bồi thường anh Ma A S do ông Ma A C đại diện số tiền 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thân Văn T và bị cáo Tạ Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho các bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người đại diện của bị hại vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1 b );
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện V(2b);
- T.H.A.( 4 b );
- Lưu HS.VP ( 1 b );
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Đỗ Thị Tuyết**

